

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 24 - 02 - 2023.

V/v: “T/c ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài và ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1090/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lục Văn S, sinh năm 1986. HKTT: Thôn ĐC, xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ liên hệ: Ấp 1, xã SN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1984. Cư trú tại: Đường SM2, tổ 22, ấp SM, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Anh S có mặt, chị V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022 và trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lục Văn S trình bày:**

Anh Lục Văn S và chị Bùi Thị V tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang vào năm 2010.

Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do tính tình không hợp, hay xảy ra cãi vã. Chị V không tôn trọng anh S nên anh không có tiếng nói, không có

quyền quyết định trong gia đình. Anh nghi ngờ chị V có quan hệ ngoại tình, không chung thủy với anh. Do áp lực cuộc sống vợ chồng nặng nề nên anh buộc phải chuyển đi nơi khác ở để xa lánh tất cả. Anh và chị V đã sống ly thân nhau hơn 01 năm nay, tình cảm anh S dành cho chị V không còn nữa nên anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Anh S trình bày, anh và chị V có 01 con chung là Lục Phương T, sinh ngày 25/05/2013. Hiện tại cháu T đang cư trú cùng với chị Bùi Thị V. Khi ly hôn, anh S đề nghị giao cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì anh chưa có nghề nghiệp và chỗ ở ổn định nên anh không có tiền để đóng góp cho chị V nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh S cam kết vợ chồng không có nợ chung.

**** Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn chị Bùi Thị V trình bày:***

Chị và anh Lục Văn S chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, anh S không chịu đi làm để chia sẻ gánh nặng kinh tế và chăm lo cho gia đình phụ giúp chị; đồng thời còn nhiều lần nghi ngờ ghen tuông vô cớ. Vợ chồng chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay, trong suốt thời gian sống ly thân anh S không gửi tiền cho chị V sinh hoạt gia đình và nuôi con chung. Tuy nhiên, chị V không đồng ý ly hôn với anh Lục Văn S vì mong muốn cho con được sống trong một mái ấm gia đình có cả tình yêu thương của cả cha và mẹ.

Về con chung: Chị V trình bày, chị và anh S có con chung là Lục Phương T, sinh ngày 25/05/2013. Anh S đề nghị giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì chị đồng ý. Chị V yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị V cam kết chị và anh S không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lục Văn S được ly hôn với chị Bùi Thị V. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lục Phương T, sinh ngày 25/05/2013; buộc anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị V nuôi con chung để đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu T. Các đương sự thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải nộp án phí DSST về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Anh Lục Văn S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị V hiện đang cư trú tại đường SM2, tổ 22, ấp SM, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai và tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Chị Bùi Thị V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Bùi Thị V là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lục Văn S và chị Bùi Thị V là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã kêu gọi anh Lục Văn S đoàn tụ với chị Bùi Thị V nhưng anh S vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay, tình cảm yêu thương anh dành cho chị V không còn. Chị V cũng thừa nhận chị và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn do nghi ngờ ghen tuông vô cớ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh Lục Văn S và chị Bùi Thị V đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho anh Lục Văn S được ly hôn với chị Bùi Thị V.

2.2. Về con chung:

Anh Lục Văn S và chị Bùi Thị V đều thống nhất giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lục Phương T, sinh ngày 25/05/2013.

Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lục Phương T. Do đó, giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lục Phương T là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh S không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị Bùi Thị V nuôi con chung. Mức cấp dưỡng tùy thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng chị V yêu cầu mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là phù hợp khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc anh Lục Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị Bùi Thị V nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 24/02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.3. *Về tài sản chung*: Anh Lục Văn S và chị Bùi Thị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Anh Lục Văn S trình bày không có, chị Bùi Thị V không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Lục Văn S phải nộp số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lục Văn S:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lục Văn S được ly hôn với chị Bùi Thị V.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lục Phương T, sinh ngày 25/05/2013.

Buộc anh Lục Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị Bùi Thị V nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ ngày 24/02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Lục Văn S.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lục Văn S phải nộp số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001911 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Lục Văn S còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS. huyện Trảng Bom;
- UBND xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang;
- (Giấy CNKH số 13 ngày 29/04/2010);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh

